CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP KASATI

Ngày 30/09/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.6%	**3.1%**	**7.9%**

DT thuần
Q3/25
508
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 460| 947%
YoY: ▲ 458| 911%

LN thuần
Q3/25
10.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.1| 644%
YoY: ▲ 7.31| 252%

LN sau thuế
Q3/25
8.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.87| 3546%
YoY: ▲ 6.33| 276%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.1%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM)
Q3/25
15.5%
YoY: +/-▲ 7.7%

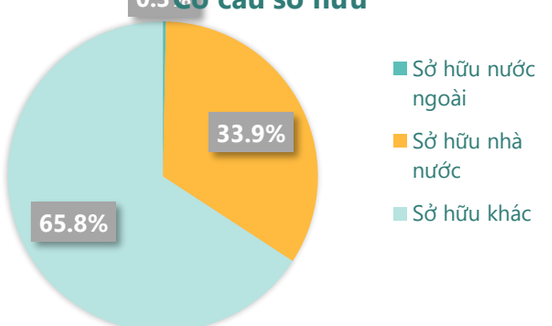
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,657 - 13,796
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	5,992,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,635
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.07
EPS	1,992
P/E	6.4

DT thuần
9T 2025
579
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 290| 100%

LN thuần
9T 2025
9.17
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.09| -1.0%

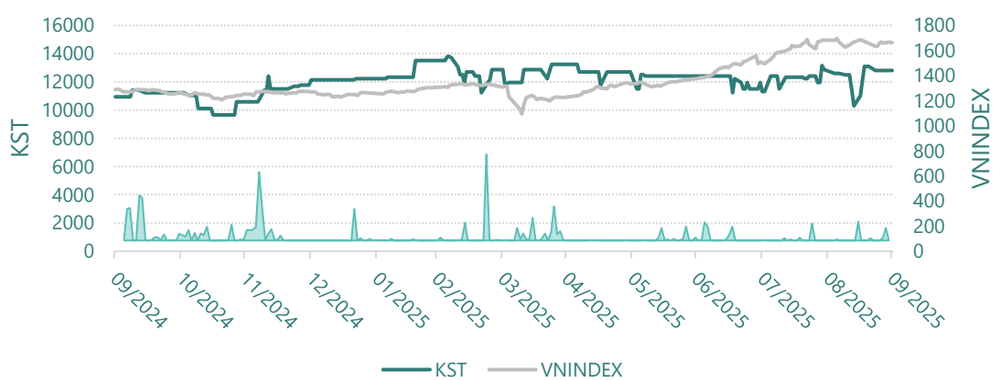
LN sau thuế
9T 2025
8.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.58| 21.7%

Cơ cấu sở hữu

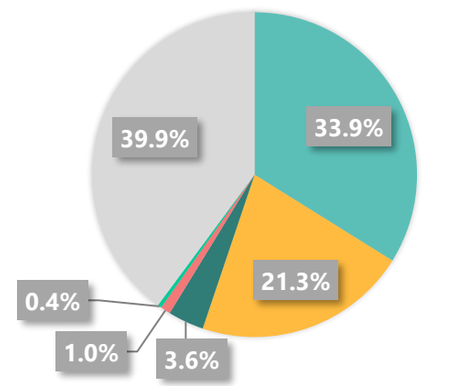


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

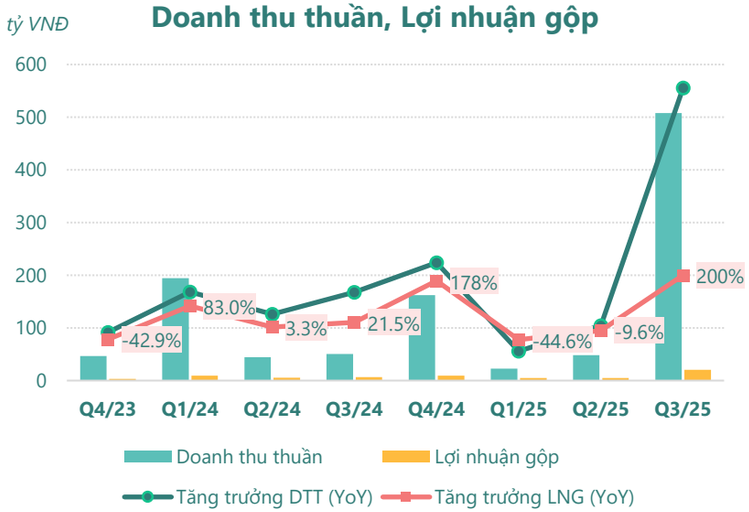


- Tập Đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
- Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện
- Lê Phước Hiền (Chủ tịch HĐQT)
- Võ Ngọc Anh (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Long (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

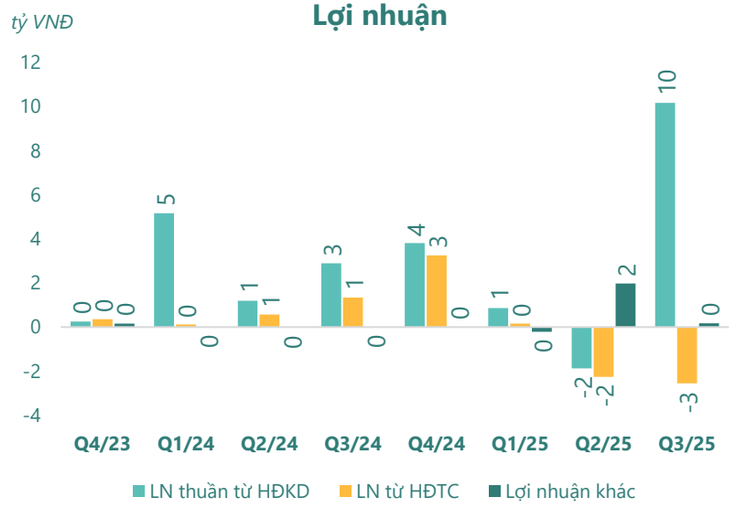
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



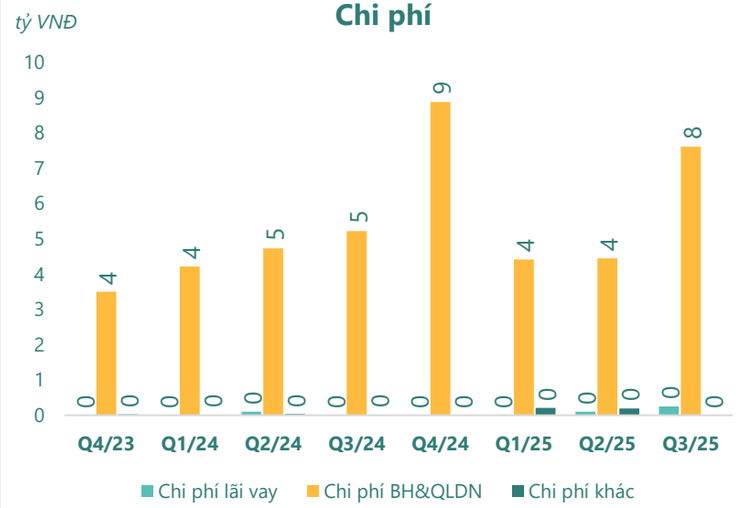
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



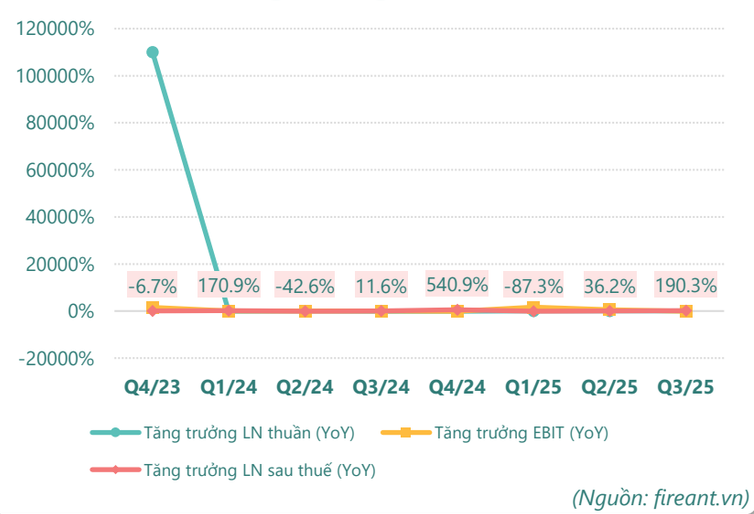
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



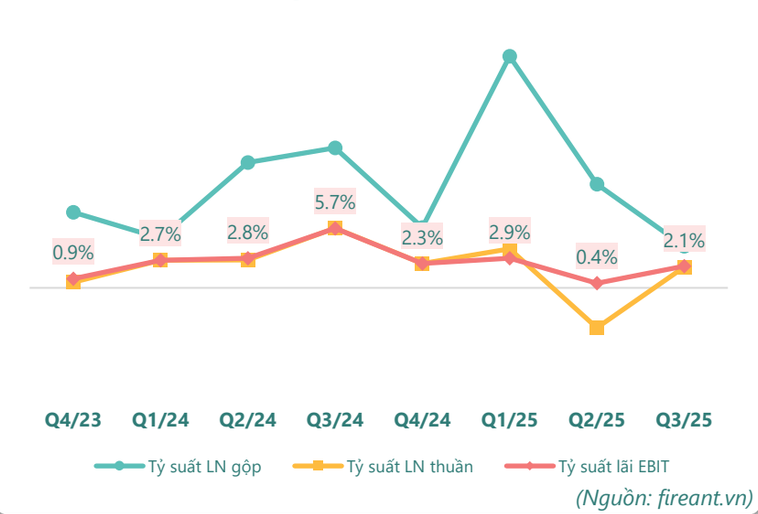
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



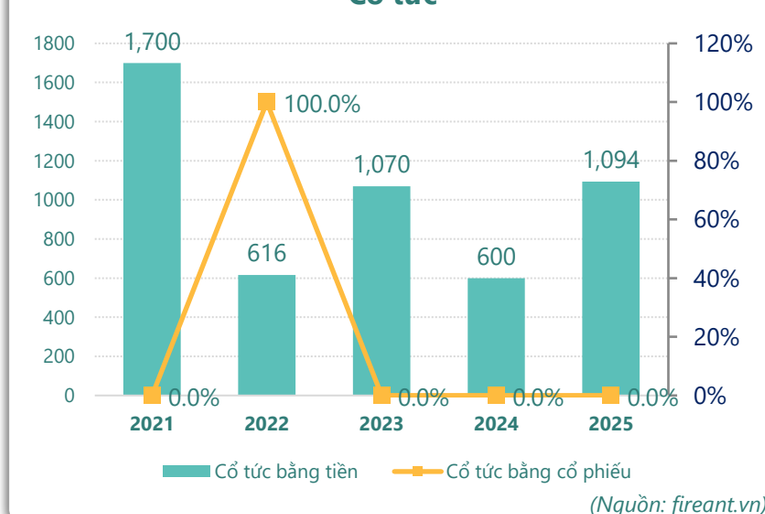
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

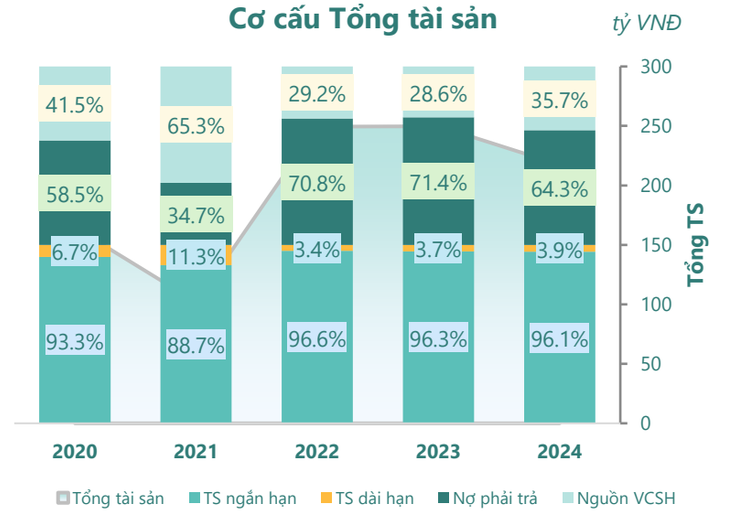
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

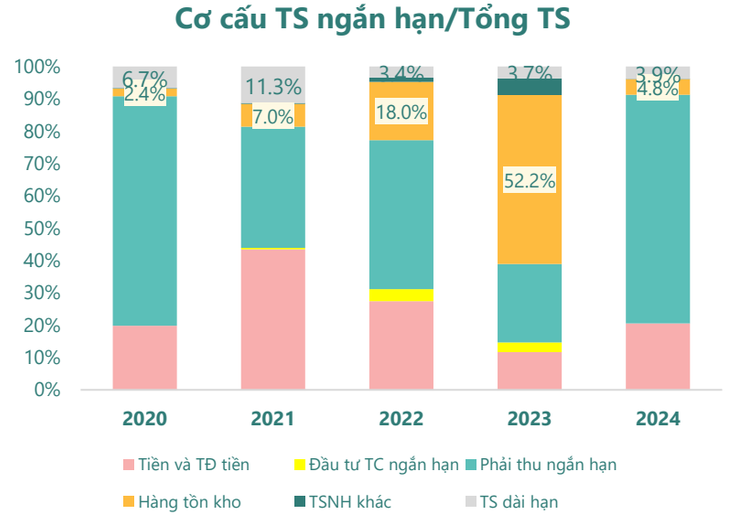
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



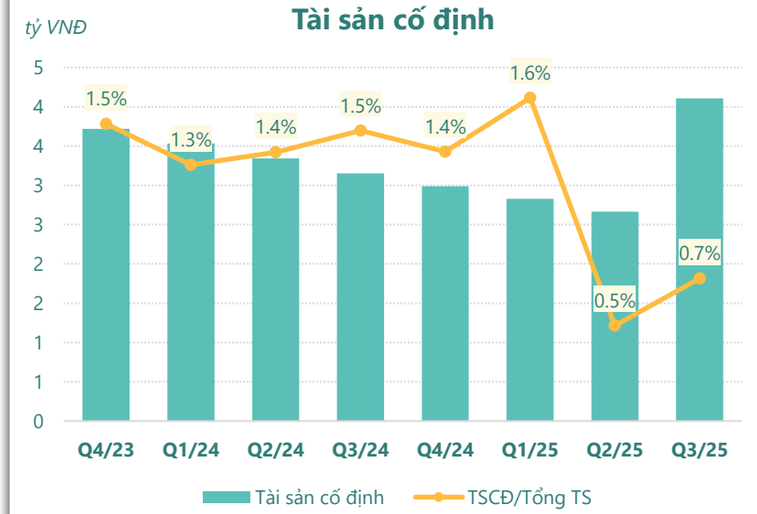
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



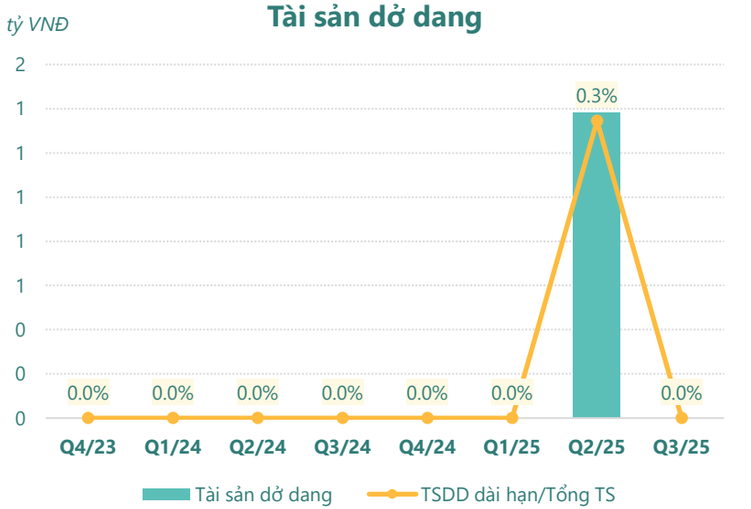
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



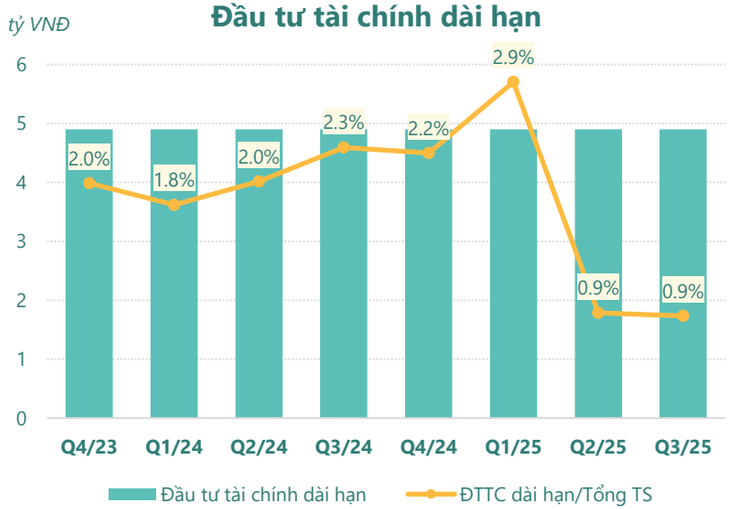
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



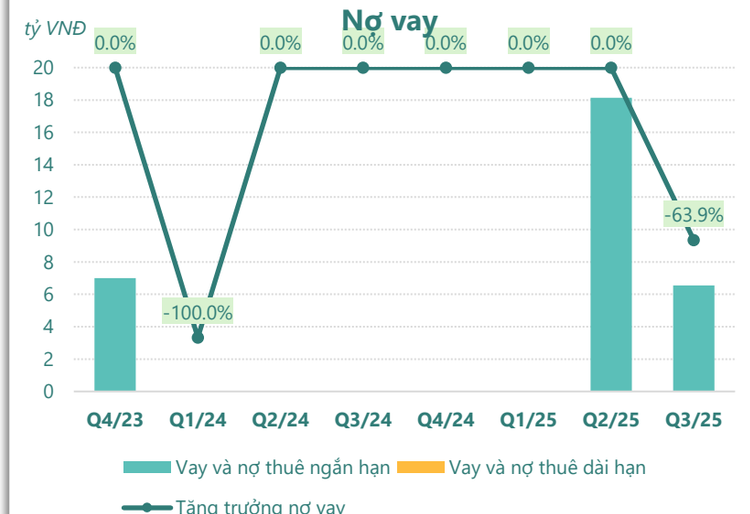
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

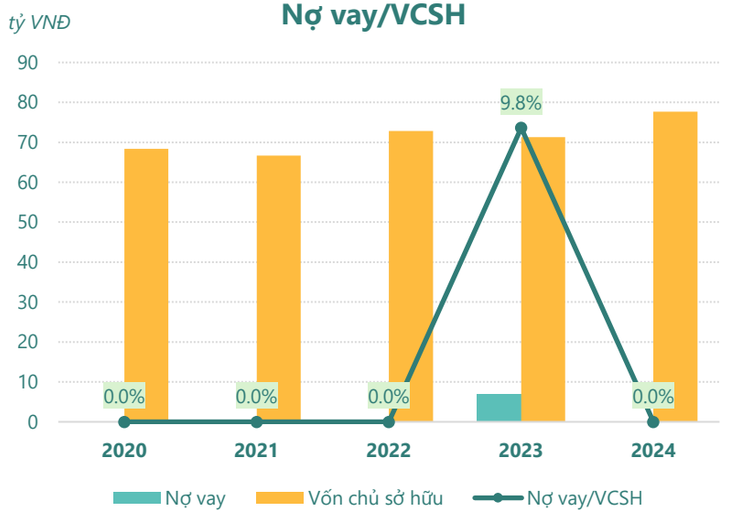
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

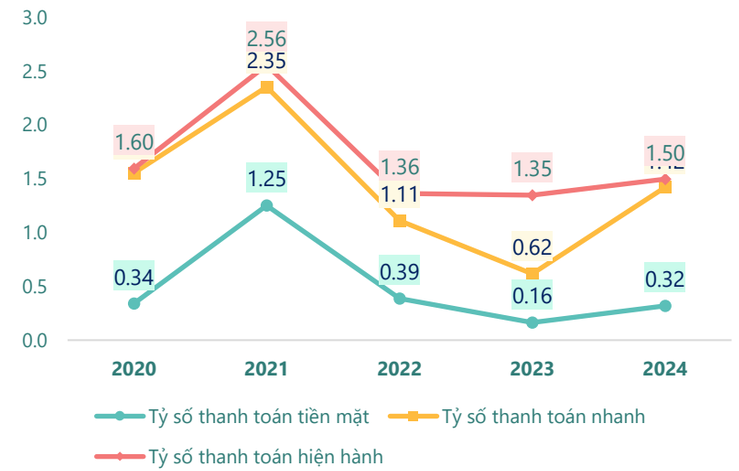
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



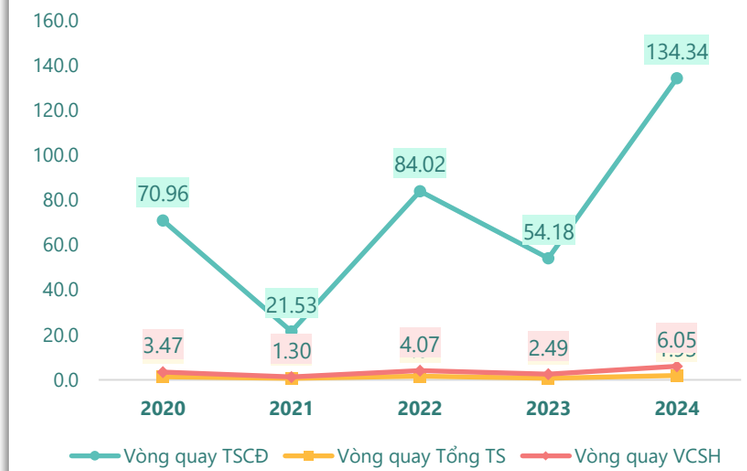
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



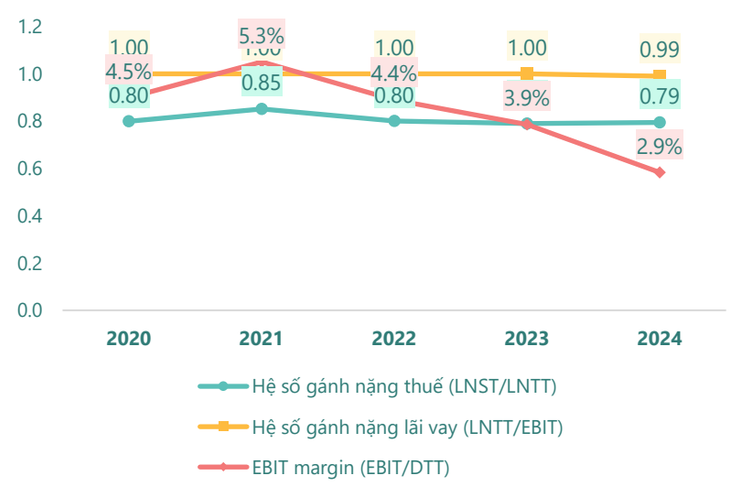
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



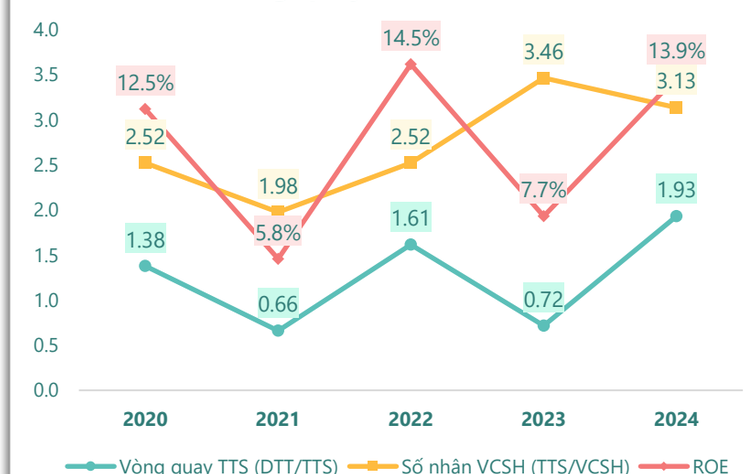
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



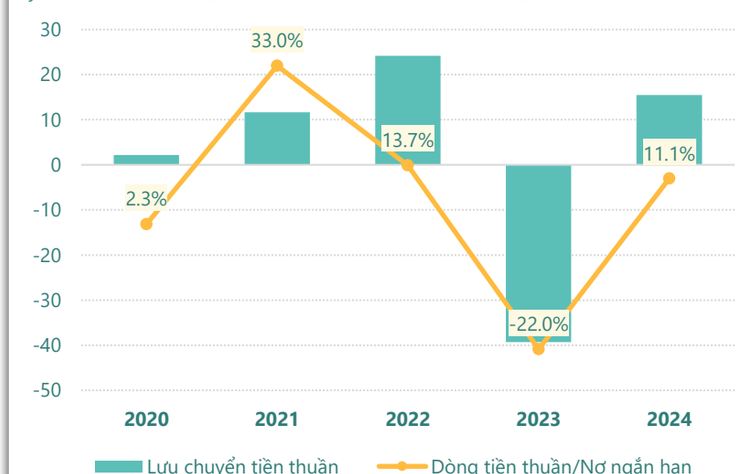
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**508**	**50.2**	**911%**	**579**	**289**	**100%**
Giá vốn hàng bán	487	43.4	1023%	549	267	105%
Lợi nhuận gộp	20.3	6.78	200%	30.3	21.4	41.6%
Doanh thu HĐTC	0.15	1.44	-89.9%	1.39	3.84	-63.8%
Chi phí TC	2.70	0.10	2601%	6.05	1.81	234%
Chi phí lãi vay	0.25	0.00		0.35	0.10	248%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**7.61**	**5.22**	**45.8%**	**16.5**	**14.2**	**16.3%**
LN thuần từ HĐKD	10.2	2.89	252%	9.17	9.26	-1.0%
Lợi nhuận khác	**0.17**	**-0.01**	**1816%**	**1.95**	**-0.06**	**3603%**
LN trước thuế	10.3	2.88	259%	11.1	9.20	20.8%
Lợi nhuận sau thuế	**8.62**	**2.29**	**276%**	**8.89**	**7.31**	**21.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.62**	**2.29**	**276%**	**8.89**	**7.31**	**21.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.1	-21.4	-5.56	22.7	-61.2	174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.9	-19.2	2.67	-11.6	13.5	12.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-3.60	0	0	18.1	-18.1
Tiền đầu kỳ	27.8	91.8	47.6	44.7	55.9	26.3
Lưu chuyển tiền thuần	**64.0**	**-44.2**	**-2.90**	**11.2**	**-29.6**	**168**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	91.8	47.6	44.7	55.9	26.3	195

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**565**	**217**	**160%**
Tài sản ngắn hạn	556	209	166%
Tiền và tương đương tiền	195	44.7	335%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	349	154	127%
Hàng tồn kho	10.7	10.4	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.04	0.09	1037%
Tài sản dài hạn	**9.44**	**8.40**	**12.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.11	2.99	37.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	4.90	4.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.43**	**0.51**	**-14.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	486	140	248%
Nợ ngắn hạn	**486**	**140**	**248%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.55	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	389	80.6	382%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**79.4**	**77.7**	**2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**79.4**	**77.7**	**2.1%**
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)